

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 3 tháng và 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

B02-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm 2009		Năm 2008	
			Quý III (từ tháng 7 đến tháng 9)	Quý I, II & III (từ tháng 1 đến tháng 9)	Quý III (từ tháng 7 đến tháng 9)	Quý I, II & III (từ tháng 1 đến tháng 9)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.232.219.437	3.282.054.836	233.198.629	1.600.329.386
02	2. Các khoản giảm trừ	26.1	(2.364.289)	(4.345.482)	(458.879)	(4.394.419)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.229.855.148	3.277.709.354	232.739.750	1.595.934.967
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(631.352.838)	(1.724.720.557)	(57.968.044)	(832.779.626)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		598.502.310	1.552.988.797	174.771.706	763.155.341
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	11.500.520	47.059.806	5.553.677	433.807.835
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	28	(49.067.182)	(160.160.010)	(41.030.718)	(69.934.221)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(47.386.420)	(155.146.614)	(37.502.887)	(64.065.903)
24	8. Chi phí bán hàng		(42.034.060)	(88.266.842)	(31.985.236)	(61.986.875)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(40.074.299)	(116.006.352)	(63.878.024)	(98.164.347)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		478.827.289	1.235.615.399	43.431.405	966.877.733
31	11. Thu nhập khác	29	3.935.641	36.751.791	572.327	6.547.903
32	12. Chi phí khác	29	(2.215.680)	(20.329.483)	(26.691.578)	(29.725.917)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	29	1.719.961	16.422.308	(26.119.251)	(23.178.014)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 3 tháng và 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

B02-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm 2009		Năm 2008	
			Quý III (từ tháng 7 đến tháng 9)	Quý I, II & III (từ tháng 1 đến tháng 9)	Quý III (từ tháng 7 đến tháng 9)	Quý I, II & III (từ tháng 1 đến tháng 9)
50	14. Lợi nhuận trước thuế		480.547.250	1.252.037.707	17.312.154	943.699.719
51	15. Thuế TNDN hiện hành	30.1	(5.688.454)	(6.409.779)	16.757.301	(175.492.382)
52	16. Thuế TNDN hoãn lại	30.2	(132.198.923)	(308.806.755)	4.696.948	(59.455.104)
60	17. Lợi nhuận thuần trong kỳ		342.659.873	936.821.173	38.766.403	708.752.233
	Phân bổ cho:					
	17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		22.185.671	79.619.102	2.092.597	51.151.336
	17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		320.474.202	857.202.071	36.673.806	657.600.897
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	25	1.807	4.842	207	3.657



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Võ Trường Sơn
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 10 năm 2009